

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Cẩm D** – Sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn Q** - Sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Tổ 23, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Nguyễn Thị Cẩm D** và ông **Nguyễn Văn Q** (Do công nhận thuận tình ly hôn giữa bà **Nguyễn Thị Cẩm D** và ông **Nguyễn Văn Q** nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 57 do Ủy ban nhân dân phường K, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/10/2021 không còn giá trị pháp lý).

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Cẩm D** và ông **Nguyễn Văn Q** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà **Nguyễn Thị Cẩm D** và Ông **Nguyễn Văn Q** xác định có 01 con chung là: **Nguyễn Ngọc An N** – Sinh ngày: 26/07/2021. Ly hôn, bà **Nguyễn Thị Cẩm D** và ông **Nguyễn Văn Q** thỏa thuận thống nhất giao con chung **Nguyễn Ngọc An N** cho ông **Nguyễn Văn Q** được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi

con đủ 18 tuổi, bà D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm D và ông Nguyễn Văn Q xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm D và ông Nguyễn Văn Q xác định không có.

- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: **150.000 đồng** (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Cẩm D và ông Nguyễn Văn Q phải chịu nhưng bà Nguyễn Thị Cẩm D tự nguyện chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Cẩm D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, TP. Đà Nẵng theo biên lai số 0001639 ngày 06/3/2024.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm D số tiền tạm ứng án phí **150.000 đồng** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, TP. Đà Nẵng theo biên lai số 0001639 ngày 06/3/2024.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự.
- VKSND quận N.
- Chi cục THADS quận N.
- UBND phường K, Quận N, Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**NGUYỄN THỊ TRÂM**